

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
Số/No.: 132/2026/CBTT/CTHĐQT/YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
-----o0o-----
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP. HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH CITY STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *HoChiMinh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/Securities Symbol: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Điện thoại/Telephone: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/Ms Lê Phương Thảo
Chức vụ/Position: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman of the Board of Directors



Loại thông tin công bố Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu
Information disclosure type Periodic Irregular 24 hours On-demand

Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

Ngày 28/04/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 (“Công ty”) công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

On April 28, 2026, YeaH1 Group Corporation (“the Company”) disclosed the following information:

- The Company's separate Financial Statements for the first quarter of 2026 and the Explanation of the differences in the separate Financial Statements for the first quarter of 2026 compared to the same period in 2025.
- The Company's consolidated Financial Statements for the first quarter of 2026 and the Explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the first quarter of 2026 compared to the same period in 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 vào ngày 28 tháng 04 năm 2026 tại đường dẫn:

<http://yeah1group.com/investor-relations>.

This information was disclosed on YeaH1 Group Corporation's Portal on April 28, 2026. Available at: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận:

Recipient:

+ Như trên;

+ *As above;*

+ Lưu VP;

+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*



HỖ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman





**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1**
Số: 151/2026/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“**Công ty**”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“**TNDN**”) tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2026 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất Quý I năm 2026 so với Quý I năm 2025:

a. **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I năm 2026**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý I năm 2026 (1)	Quý I năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.693.101.323	23.252.971.598	(8.559.870.275)	(36,81%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn trong Quý I năm 2026 giảm 8.559.870.275 đồng so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng giảm 36,81%, chủ yếu là do Quý I năm 2025 đã ghi nhận khoản doanh thu tài chính hợp nhất phát sinh từ việc thoái vốn Công ty con.



b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý I năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý I năm 2026 (1)	Quý I năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.360.512.303	(145.438.100.700)	156.798.613.003

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ trong Quý I năm 2026 tăng 156.798.613.003 đồng so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do trong Quý I năm 2025 đã ghi nhận khoản chi phí tài chính 138.167.412.233 đồng chênh lệch với giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, song song đó việc tinh gọn bộ máy hoạt động nhằm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty mẹ cũng góp phần gia tăng lợi nhuận trong Quý I năm 2026.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2026 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeahigroup.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ I NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ I NĂM 2026**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Lê Thị Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc - Phát triển Nền tảng & Người dùng (bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2026)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2026)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 45. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Khánh Trang
Giám đốc Tài chính
(theo giấy ủy quyền số 05/2601/UQ/YEG ngày 28/01/2026)

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		703.322.105.383	1.037.970.426.657
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.753.377.266	27.925.551.729
111	Tiền	3	40.753.377.266	27.925.551.729
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		197.444.600.000	221.820.600.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	7(a)	197.444.600.000	221.820.600.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		369.846.918.430	715.832.119.698
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	73.813.507.510	360.353.884.484
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	224.859.397.118	221.309.150.846
135	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	71.666.477.403	134.661.547.969
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(492.463.601)	(492.463.601)
140	Hàng tồn kho	10	94.823.792.790	69.648.446.950
141	Hàng tồn kho	10	94.823.792.790	69.648.446.950
160	Tài sản ngắn hạn khác		453.416.897	2.743.708.280
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	11(a)	453.416.897	786.866.100
162	Thuế GTGT được khấu trừ	16	-	1.956.842.180

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.040.760.328.910	1.633.284.583.908
210	Các khoản phải thu dài hạn		635.913.834.800	203.064.334.800
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
215	Phải thu dài hạn khác	8(b)	635.913.834.800	203.064.334.800
220	Tài sản cố định		160.317.233.063	164.373.553.454
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	195.966.247	224.420.338
222	Nguyên giá		998.567.381	998.567.381
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(802.601.134)	(774.147.043)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	160.121.266.816	164.149.133.116
228	Nguyên giá		248.659.804.816	240.247.920.639
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(88.538.538.000)	(76.098.787.523)
250	Tài sản dở dang dài hạn		57.210.847.040	57.177.622.222
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	57.210.847.040	57.177.622.222
260	Đầu tư tài chính dài hạn		1.175.223.485.437	1.194.146.485.437
261	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.023.971.720.000	959.904.720.000
262	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	41.389.600.000	76.889.600.000
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	9.615.625.000	9.615.625.000
264	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(45.978.459.563)	(45.978.459.563)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		146.225.000.000	193.715.000.000
270	Tài sản dài hạn khác		12.094.928.570	14.522.587.995
271	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	11.989.928.156	14.417.587.581
272	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		105.000.414	105.000.414
280	TỔNG TÀI SẢN		2.744.082.434.293	2.671.255.010.565

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Tại ngày	
		31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	619.809.510.602	558.342.599.177
310	Nợ ngắn hạn	601.764.541.903	536.297.630.478
311	Phải trả người bán ngắn hạn	233.317.877.073	302.983.205.585
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	51.469.423.324	16.390.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.097.716.328	1.823.423.021
315	Phải trả người lao động	4.184.912.846	3.570.352.261
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	10.073.186.914	7.473.837.135
319	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	55.439.705.378	-
320	Phải trả ngắn hạn khác	77.393.248.253	72.353.723.064
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	168.788.471.787	131.703.089.412
330	Nợ dài hạn	18.044.968.699	22.044.968.699
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18.044.968.699	22.044.968.699
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.124.272.923.691	2.112.912.411.388
410	Vốn chủ sở hữu	2.124.272.923.691	2.112.912.411.388
411	Vốn góp của chủ sở hữu	1.918.020.350.000	1.918.020.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.918.020.350.000	1.918.020.350.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	75.418.254	75.418.254
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	206.177.155.437	194.816.643.134
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các kỳ trước	194.816.643.134	336.529.421.707
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này	11.360.512.303	(141.712.778.573)
440	TỔNG NGUỒN VỐN	2.744.082.434.293	2.671.255.010.565


Lưu Anh Khoa
Người lập


Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Khánh Trang
Giám đốc Tài chính
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.512.508.808	123.336.199.476
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.512.508.808	123.336.199.476
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(28.602.649.989)	(89.003.518.288)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.909.858.819	34.332.681.188
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.310.795.517	2.209.930.831
22	Chi phí tài chính	(6.473.365.666)	(151.981.555.786)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.473.365.666)	(7.412.851.413)
25	Chi phí bán hàng	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(15.374.827.090)	(29.853.013.107)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	11.372.461.580	(145.291.956.874)
31	Thu nhập khác	-	18.667
32	Chi phí khác	(11.949.277)	(146.162.493)
40	Lỗ khác	(11.949.277)	(146.143.826)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	11.360.512.303	(145.438.100.700)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	11.360.512.303	(145.438.100.700)


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng


 Công ty Cổ phần Tập đoàn YEAH1
 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Giám đốc Tài chính
 Ngày 28 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.360.512.303	(145.438.100.700)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	12.468.204.568	6.276.618.558
03	Các khoản dự phòng	-	(317.500.095)
05	Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(5.310.795.517)	(2.198.790.483)
06	Chi phí lãi vay	3.473.365.666	7.412.851.413
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	21.991.287.020	(134.264.921.307)
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	111.158.623.261	228.931.503.460
10	Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	(25.175.345.840)	(16.327.843.691)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	28.086.903.449	(88.743.477.967)
12	Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	2.761.108.628	1.199.963.635
14	Tiền lãi vay đã trả	(3.178.740.065)	(13.914.291.074)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(1.000.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	135.643.836.453	(24.119.066.944)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(8.411.884.177)	(15.564.658.835)
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(431.790.000.000)	(15.601.000.000)
23			
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	503.656.000.000	7.581.588.526
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(459.567.000.000)	(211.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	240.000.000.000	4.000.000.000
	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	211.490.886	658.734.589
27			
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(155.901.393.291)	(229.925.335.720)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	548.005.810.000
33	Tiền thu từ vay	96.819.186.902	48.319.236.616
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(63.733.804.527)	(275.220.719.156)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	33.085.382.375	321.104.327.460
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	12.827.825.537	67.059.924.796
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	27.925.551.729	38.416.885.363
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	40.753.377.266	105.476.810.159


Lưu Anh Khoa
Người lập


Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Khánh Trang
Giám đốc Tài chính
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ BA THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2026**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 53 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 58 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 10 Công ty con trực tiếp và 10 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 9 Công ty con trực tiếp và 10 Công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các Công ty con là những Công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào Công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào Công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.03.2026	31.12.2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.753.377.266	27.925.551.729
TỔNG CỘNG	40.753.377.266	27.925.551.729

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào Công ty con

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	31.03.2026				31.12.2025			
				Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
				%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
	Công ty con trực tiếp										
1	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	350.000.000.000	(*)	-	100,00	350.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	69,55	255.844.800.000	(*)	-	69,55	255.844.800.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	(4.980.480.646)	69,00	203.319.000.000	(*)	(4.980.480.646)
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường	100,00	80.000.000.000	(*)	(10.935.222.936)	100,00	80.000.000.000	(*)	(28.954.919.935)
5	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	100,00	25.000.000.000	(*)	(13.257.901.454)	100,00	25.000.000.000	(*)	(15.286.052.381)
6	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	2.000.000.000	(*)	-
7	Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh	100,00	69.985.920.000	(*)	(7.189.229.527)	100,00	43.718.920.000	(*)	(248.507.938)
8	Công ty Cổ phần 1Game	TP. Hồ Chí Minh	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	51,00	37.800.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Đầu tư vào Công ty con (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngoài ra, Công ty có các Công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	31.03.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
2	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
4	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
5	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	41,69	59,95
6	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
7	Netlink Online Pte. Ltd.	Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
8	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	50,99	35,18	50,99
9	Web Publishing Corp	British Virgin Island	Quảng cáo	17,63	50,10	17,63	50,10
10	Công ty Cổ phần Netlink	TP. Hà Nội	Quảng cáo	17,24	99,90	17,24	99,90

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Tại ngày 31.03.2026					Tại ngày 31.12.2025				
		Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		%	%	VND	VND	VND	%	%	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần 1Creators	36,00	36,00	36.000.000.000	(*)	-	36,00	36,00	36.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần SYE Holdings	49,88	49,88	3.389.600.000	(*)	-	49,88	49,88	2.889.600.000	(*)	-
3	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần 1Game	-	-	-	(*)	-	49,00	49,00	36.000.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG				41.389.600.000					76.889.600.000		

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	31.03.2026					31.12.2025				
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
TỔNG CỘNG					9.615.625.000		9.615.625.000			9.615.625.000		9.615.625.000

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2026	31.12.2025
	VND	VND
Bên thứ ba	21.701.099.530	315.599.465.330
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	8.000.100.000	8.000.100.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3.529.969.200	10.929.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư P.T.G	1.920.000.000	153.600.000
Công ty Cổ phần Tera Ventures	-	240.001.000.000
Khác	8.251.030.330	56.515.165.330
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	52.112.407.980	44.754.419.154
TỔNG CỘNG	73.813.507.510	360.353.884.484
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(419.125.706)	(419.125.706)
GIÁ TRỊ THUẬN	73.394.381.804	359.934.758.778

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2026	31.12.2025
	VND	VND
Bên thứ ba	215.829.513.236	210.862.091.139
Công ty Cổ phần Tera Group	154.214.476.520	154.214.476.520
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện HAND	41.685.000.000	41.685.000.000
Công ty Cổ phần King Production	16.548.888.889	12.659.714.640
Khác	3.381.147.827	2.302.899.979
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	9.029.883.882	10.447.059.707
TỔNG CỘNG	224.859.397.118	221.309.150.846

7 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

(a) Ngắn hạn

	31.03.2026	31.12.2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	130.000.000.000	164.600.000.000
Cho bên thứ ba vay	1.030.000.000	1.030.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh 30(b))	66.414.600.000	56.190.600.000
TỔNG CỘNG	197.444.600.000	221.820.600.000
Dự phòng đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Thuyết minh 9)	-	-
GIÁ TRỊ THUẬN	197.444.600.000	221.820.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

7 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh 30(b))	144.625.000.000	192.115.000.000
Cho bên thứ ba vay	1.600.000.000	1.600.000.000
TỔNG CỘNG	146.225.000.000	193.715.000.000

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	29.598.229.582	22.245.957.071
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và tạm ứng sản xuất	26.123.234.289	99.875.000.000
Phải thu lãi cho vay	14.596.833.430	11.090.782.377
Khác	1.348.180.102	1.449.808.521
TỔNG CỘNG	71.666.477.403	134.661.547.969
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(73.337.895)	(73.337.895)
GIÁ TRỊ THUẬN	71.593.139.508	134.588.210.074
Trong đó:		
Bên thứ ba	27.494.213.050	101.392.008.584
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	44.172.264.353	33.269.539.385

(b) Dài hạn

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Ủy thác đầu tư	432.800.000.000	-
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	196.000.000.000	196.000.000.000
Khác	7.113.834.800	7.064.334.800
TỔNG CỘNG	635.913.834.800	203.064.334.800

9 NỢ KHÓ ĐÒI

	31.03.2026			31.12.2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)
Trà trước cho người bán và phải thu ngắn hạn khác	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)
Khác	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)
TỔNG CỘNG	658.642.923	166.179.322	(492.463.601)	658.642.923	166.179.322	(492.463.601)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

10 HÀNG TỒN KHO

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí các chương trình đang sản xuất dở dang	94.358.942.706	69.183.596.866
Hàng hóa	464.850.084	464.850.084
TỔNG CỘNG	94.823.792.790	69.648.446.950

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	354.961.669	567.938.668
Công cụ, dụng cụ	98.455.228	157.528.366
Khác	-	61.399.066
TỔNG CỘNG	453.416.897	786.866.100

(b) Dài hạn

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	10.626.190.429	12.679.096.582
Công cụ, dụng cụ	279.235.830	738.161.520
Khác	1.084.501.897	1.000.329.479
TỔNG CỘNG	11.989.928.156	14.417.587.581

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	998.567.381	998.567.381
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	998.567.381	998.567.381
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	(774.147.043)	(774.147.043)
Khấu hao trong năm	(28.454.091)	(28.454.091)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	(802.601.134)	(802.601.134)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	224.420.338	224.420.338
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	195.966.247	195.966.247

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền nội dung VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	2.524.382.154	160.000.000	237.563.538.485	240.247.920.639
Mua trong năm	-	1.943.954.896	6.467.929.281	8.411.884.177
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	2.524.382.154	2.103.954.896	244.031.467.766	248.659.804.816
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	(884.041.896)	(77.333.343)	(75.137.412.284)	(76.098.787.523)
Khấu hao trong năm	(14.144.217)	(24.722.200)	(12.400.884.060)	(12.439.750.477)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	(898.186.113)	(102.055.543)	(87.538.296.344)	(88.538.538.000)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	1.640.340.258	82.666.657	162.426.126.201	164.149.133.116
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	1.626.196.041	2.001.899.353	156.493.171.422	160.121.266.816

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Phần mềm Onstudio	42.605.000.000	42.605.000.000
Phần mềm YEG DX	13.944.000.000	13.944.000.000
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	661.847.040	628.622.222
TỔNG CỘNG	57.210.847.040	57.177.622.222

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**Mẫu số B 09 – DN****14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	12.246.379.041	12.863.228.533
Công ty TNHH STVProduction	6.374.700.467	6.374.700.467
Khác	5.871.678.574	6.488.528.066
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	221.071.498.032	290.119.977.052
TỔNG CỘNG	233.317.877.073	302.983.205.585

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	51.289.106.875	140.000.000
Công ty TNHH MTV TICKETBOX	37.143.106.875	-
Khác	14.146.000.000	140.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	180.316.449	16.250.000.000
TỔNG CỘNG	51.469.423.324	16.390.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31.03.2026 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	1.956.842.180	3.589.709.131	(5.546.551.311)	-
TỔNG CỘNG	1.956.842.180	3.589.709.131	(5.546.551.311)	-
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT	351.810.503	6.065.990.415	(5.896.514.195)	521.286.723
Thuế thu nhập cá nhân	1.388.992.015	1.310.226.292	(2.185.185.465)	514.032.842
Thuế khác	82.620.503	-	(20.223.740)	62.396.763
TỔNG CỘNG	1.823.423.021	7.376.216.707	(8.101.923.400)	1.097.716.328

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí sản xuất chương trình	9.420.000.000	5.181.000.000
Khác	653.186.914	2.292.837.135
TỔNG CỘNG	10.073.186.914	7.473.837.135
Trong đó:		
Bên thứ ba	537.518.628	7.464.562.615
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	9.535.668.286	9.274.520

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất chương trình	34.879.952.111	32.648.864.497
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Lãi vay	2.654.736.941	2.382.583.247
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	1.800.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp	1.145.212.273	407.838.578
Khác	5.413.346.928	5.414.436.742
TỔNG CỘNG	77.393.248.253	72.353.723.064
Trong đó:		
Bên thứ ba	39.687.960.780	38.834.862.085
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	37.705.287.473	33.518.860.979

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2026	Tăng	Giảm	Tại ngày 31.03.2026
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	103.778.089.412	71.619.186.902	(32.323.804.527)	143.073.471.787
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	61.838.974.449	32.950.218.110	(19.874.051.019)	74.915.141.540
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	41.939.114.963	38.668.968.792	(12.449.753.508)	68.158.330.247
Vay bên thứ ba	135.000.000	-	-	135.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	135.000.000	-	-	135.000.000
Vay bên liên quan	27.790.000.000	25.200.000.000	(27.410.000.000)	25.580.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.980.000.000	-	21.980.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	1.040.000.000	960.000.000	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Công ty TNHH TingTing Network	800.000.000	-	(200.000.000)	600.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	300.000.000	2.000.000.000	(2.300.000.000)	-
Công ty Cổ Phần SYE Holdings	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	22.650.000.000	-	(22.650.000.000)	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	-	260.000.000	(260.000.000)	-
TỔNG CỘNG	131.703.089.412	96.819.186.902	(59.733.804.527)	168.788.471.787

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2026 VND
Vay ngân hàng	20.544.968.699	-	(2.500.000.000)	18.044.968.699
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>	<i>20.544.968.699</i>	-	<i>(2.500.000.000)</i>	<i>18.044.968.699</i>
Vay bên liên quan	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-
<i>Công ty Cổ phần SYE Holdings</i>	<i>1.500.000.000</i>	-	<i>(1.500.000.000)</i>	-
TỔNG CỘNG	22.044.968.699	-	(4.000.000.000)	18.044.968.699

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<u>31.03.2026</u>	<u>31.12.2025</u>
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	191.802.035	191.802.035
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	191.802.035	191.802.035
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>191.802.035</u>	<u>191.802.035</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31.03.2026</u>		<u>31.12.2025</u>	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Pyn Elite Fund	17.149.080	8,94	17.949.080	9,36
Bà Lê Phương Thảo	11.049.847	5,76	11.049.847	5,76
Cổ đông khác	163.603.108	85,30	162.803.108	84,88
TỔNG CỘNG	<u>191.802.035</u>	<u>100,00</u>	<u>191.802.035</u>	<u>100,00</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	137.001.454	137.001.454
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	54.800.581	54.800.581
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>191.802.035</u>	<u>191.802.035</u>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	<u>191.802.035</u>	<u>191.802.035</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (*)	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(141.712.778.573)	(141.712.778.573)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	194.816.643.134	2.112.912.411.388
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.360.512.303	11.360.512.303
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	1.918.020.350.000	75.418.254	206.177.155.437	2.124.272.923.691

(*) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 03 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND

22 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Doanh thu quảng cáo và truyền thông	42.869.867.703	100.371.651.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.749.164.426	13.959.770.370
Doanh thu cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	4.893.476.679	9.004.777.214
TỔNG CỘNG	56.512.508.808	123.336.199.476

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Giá vốn quảng cáo và truyền thông	18.880.289.768	76.966.213.037
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.125.240.000	5.000.000.000
Giá vốn cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	2.597.120.221	7.037.305.251
TỔNG CỘNG	28.602.649.989	89.003.518.288

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.310.795.517	2.198.790.483
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	11.140.348
TỔNG CỘNG	5.310.795.517	2.209.930.831

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.473.365.666	7.412.851.413
Lỗ từ việc thoái vốn Công ty con	-	138.167.412.233
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	-	6.401.292.140
Chi phí tài chính khác	3.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	6.473.365.666	151.981.555.786

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.418.217.963	9.217.858.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.062.739.357	12.014.957.457
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.870.742.559	45.371.880
Khác	23.127.211	4.710.720
Dự phòng phải thu khó đòi	-	8.570.114.598
TỔNG CỘNG	15.374.827.090	29.853.013.107

27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Thu nhập khác		
Khác	-	18.667
Chi phí khác		
Khác	11.949.277	146.162.493
	11.949.277	146.162.493
Lợi nhuận khác	(11.949.277)	(146.143.826)

28 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	11.360.512.303	(145.438.100.700)
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	2.272.102.461	(29.087.620.140)
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(3.012.664.984)	26.034.667.891
Chi phí không được khấu trừ	740.562.524	3.052.952.249
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ 12 tháng được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.067.927.337	93.785.965.084
Chi phí nhân viên	7.418.217.963	10.219.122.435
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.468.204.568	6.276.618.558
Khác	23.127.211	8.574.825.318
TỔNG CỘNG	43.977.477.079	118.856.531.395

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp (đến ngày 21 tháng 5 năm 2025)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 22 tháng 05 năm 2025)
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần SYE Holdings	Công ty con trực tiếp (đến ngày 30 tháng 12 năm 2025)
	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 12 năm 2025)
Công ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Game	Công ty con trực tiếp (từ ngày 4 tháng 3 năm 2026)
	Công ty liên kết (đến ngày 3 tháng 3 năm 2026)
Công ty Cổ phần 1Creators	Công ty liên kết (từ ngày 30 tháng 9 năm 2025)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT")
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT
	Tổng giám đốc
Ông Đào Phúc Tri	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026)

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Bà Nguyễn Thị Khánh Trang

Giám đốc tài chính
(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025)

Ông Nguyễn Văn Nam
Bà Lê Thị Bích Hằng

Kế toán trưởng
(đến ngày 8 tháng 6 năm 2025)
Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")

Ông Vương Hồ Trí Dũng
Bà Lê Thị Hoa

Thành viên BKS
(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thành viên BKS
Thành viên BKS
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS

Người liên quan của người nội bộ
(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Người liên quan của người nội bộ
Công ty mà người nội bộ
là thành viên HĐQT

Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh

Công ty mà người nội bộ
là Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Finbase

Công ty mà người có liên quan của
người nội bộ là Giám đốc

(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)
Công ty mà người có liên quan của
người nội bộ là Giám đốc

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

		<u>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</u>	
		VND	VND
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	145.410.000.000	5.000.000.000
	Mua dịch vụ sản xuất chương trình	16.093.281.124	70.915.410.222
	Nhờ thu hộ	13.087.657.237	-
	Cung cấp dịch vụ	9.763.110.225	1.329.300.000
	Lãi cho vay	3.570.044.930	84.071.918
	Góp vốn	-	211.000.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	93.900.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	7.933.200.000	315.000.000
	Nhờ thu hộ	5.115.042.000	-
	Mua dịch vụ	4.264.273.698	49.814.814
	Lãi cho vay	404.230.139	-
	Vay	-	15.600.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	-	710.965.067
	Cho vay	55.170.000.000	-
	Vay	21.980.000.000	4.780.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.640.583.844	-
	Cung cấp dịch vụ	1.253.700.000	4.907.212.795
	Lãi cho vay	338.170.739	-
Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	Mua dịch vụ	62.687.878	-
	Lãi vay	51.563.836	19.250.959
	Góp vốn	26.267.000.000	-
Công ty TNHH 1Brandlink	Cung cấp dịch vụ	15.794.400.000	-
	Mua dịch vụ	2.622.250.000	-
	Cho vay	26.700.000.000	-
	Nhờ thu hộ	3.888.000.000	-
	Vay	2.000.000.000	2.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.302.400.000	304.414.818
Công ty TNHH 1Brandlink	Mua dịch vụ	1.017.249.315	-
	Lãi cho vay	81.600.000	-
	Lãi vay	3.484.931	12.082.192

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
		VND	VND
Công ty Cổ phần 1Game	Mua dịch vụ	4.239.000.000	-
	Cho vay	-	23.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	18.900.000
Công ty Cổ phần 1Creators	Cho vay	3.370.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	368.550.000	-
	Lãi cho vay	339.191.231	-
Công ty Cổ phần SYE Holdings	Cung cấp dịch vụ	1.292.914.426	4.359.645.004
	Mua dịch vụ	836.000.000	332.097.092
	Vay	-	1.500.000.000
	Lãi vay	-	13.808.219
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	1.240.000.000	-
	Vay	260.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	193.901.250	-
	Lãi cho vay	31.963.287	42.575.342
	Cung cấp dịch vụ	-	1.919.254.676
	Mua dịch vụ	-	1.370.119.010
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	693.191.585	-
	Cung cấp dịch vụ	497.700.000	6.259.418.121
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	960.000.000	-
	Lãi vay	9.274.520	49.076.711
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	600.000.000	4.085.000.000
	Lãi cho vay	217.021.232	200.565.822
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	267.152.793	376.582.513
	Cho vay	-	5.373.000.000
Công ty TNHH 1Talents	Cung cấp dịch vụ	37.800.000	100.800.000
Công ty TNHH TingTing Network	Lãi vay	14.926.026	7.767.123
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Lãi vay	8.917.808	25.315.069
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	3.311.728.704
	Vay	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	56.700.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Lãi vay	-	19.029.452

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		<u>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</u>	
		VND	VND
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	181.883.098	135.284.532
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	173.096.316	116.368.224
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Tạm ứng	72.979.532	-
		<u>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</u>	
		31.03.2026	31.03.2025
		VND	VND
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	861.000.000	861.000.000
Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám Đốc	152.000.000	-
Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính	393.840.000	276.483.000
Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	180.840.000	-
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	471.131.000
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		<u>1.587.680.000</u>	<u>1.608.614.000</u>
Thù lao Ban Kiểm Soát			
Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	9.000.000	-
Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	9.000.000	-
Lê Thị Hoa	Thành viên	9.000.000	-
TỔNG CỘNG		<u>27.000.000</u>	<u>-</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5(a))		
Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	15.614.260.000	4.479.800.000
Công ty TNHH 1Production	14.755.590.000	5.363.782.139
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	13.244.900.271	11.498.120.271
Công ty TNHH Yeah1 Up	4.493.096.449	6.197.214.449
Công ty TNHH 1Brandlink	1.375.200.000	8.930.560.000
Công ty Cổ phần 1Creators	1.008.315.000	602.910.000
Công ty TNHH Big Cat	869.856.260	2.717.031.352
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	356.180.000	356.180.000
Công ty TNHH 1Talents	214.830.000	173.250.000
Công ty Cổ phần 1Game	180.180.000	180.180.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	2.396.989.213
Công ty Cổ phần SYE Holdings	-	1.188.401.730
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	670.000.000
TỔNG CỘNG	52.112.407.980	44.754.419.154
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5(b))		
Công ty TNHH Big Cat	5.689.883.882	7.217.059.707
Công ty Cổ phần 1Game	3.340.000.000	3.230.000.000
TỔNG CỘNG	9.029.883.882	10.447.059.707
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	30.900.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Creators	18.235.000.000	14.865.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	10.318.600.000	10.318.600.000
Công ty TNHH 1Brandlink	3.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.021.000.000	2.021.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	1.240.000.000	1.370.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	27.616.000.000
TỔNG CỘNG	66.414.600.000	56.190.600.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty TNHH 1Production	137.426.000.000	185.516.000.000
Công ty CP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	6.669.000.000	6.069.000.000
Công ty Cổ phần 1Creators	530.000.000	530.000.000
TỔNG CỘNG	144.625.000.000	192.115.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH 1Production	30.007.556.874	20.814.005.460
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	6.358.617.447	1.055.345.308
Công ty TNHH 1Brandlink	3.969.600.000	7.058.275.973
Công ty TNHH Yeah1 Up	1.667.480.373	1.400.327.580
Công ty CP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.095.185.139	878.163.907
Công ty Cổ phần 1Creators	643.578.078	304.386.847
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	153.681.097	1.355.385.336
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	77.254.677	77.254.677
Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	64.501.781	64.501.781
Công ty Cổ phần Finbase	53.378.600	53.378.600
Bà Lê Phương Thảo	36.889.424	29.392.550
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	24.718.930	-
Bà Đặng Phương Dung	11.111.111	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	8.710.822	179.121.366
TỔNG CỘNG	44.172.264.353	33.269.539.385
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH 1Production	217.065.185.953	285.133.845.953
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.237.626.800	2.237.626.800
Công ty Cổ phần SYE Holdings	902.880.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	671.405.279	671.405.279
Công ty TNHH 1Talents	108.000.000	108.000.000
Công ty CP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	86.400.000	86.400.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	1.882.699.020
TỔNG CỘNG	221.071.498.032	290.119.977.052

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	92.266.993	-
Công ty Cổ phần SYE Holdings	88.049.456	-
Công ty TNHH 1Production	-	16.250.000.000
TỔNG CỘNG	180.316.449	16.250.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))		
Công ty Cổ phần 1Game	9.420.000.000	-
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	88.027.396	79.109.588
Công ty TNHH TingTing Network	27.640.890	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	9.274.520
TỔNG CỘNG	9.535.668.286	9.274.520
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15(a))		
Công ty TNHH 1Production	28.833.389.785	28.833.389.785
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.856.875.183	3.444.602.383
Công ty Cổ phần 1Game	1.800.000.000	-
Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	1.080.000.000	-
Công ty Cổ phần SYE Holdings	417.219.176	417.219.176
Công ty TNHH TingTing Network	277.770.762	92.220.902
Công ty TNHH Big Cat	123.353.425	123.353.425
Công ty TNHH Vietnam Music Award	119.007.121	87.452.054
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	79.330.153	27.766.317
Công ty TNHH 1Brandlink	74.871.231	449.386.300
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	26.868.494	26.868.494
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	8.702.351	8.702.351
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	7.899.792
TỔNG CỘNG	37.705.287.473	33.518.860.979

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2026 VND	31.12.2025 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	21.980.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.000.000.000	1.040.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH TingTing Network	600.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	22.650.000.000
Công ty Cổ phần SYE Holdings	-	2.000.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	-	300.000.000
TỔNG CỘNG	25.580.000.000	27.790.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh 16(b))		
Công ty Cổ phần SYE Holdings	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	-	1.500.000.000

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 4 năm 2026.


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng


 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TẬP ĐOÀN
YEAH1
 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Giám đốc Tài chính